TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 110/2024/DS-ST
Ngày: 02-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Ngọc Điệp;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 222/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần K; địa chỉ trụ sở chính: 4 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp: ông Phạm Văn L, sinh năm 1986, địa chỉ: B Y, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11/9/2023), có mặt;

- Bị đơn: Bà Lê Thị Hồng T, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/01/2024, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Văn L thống nhất trình bày:

Bà Lê Thị Hồng T có vay của Ngân hàng K - Chi nhánh B số tiền 490.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 425/22/HĐTD/0100-7721 ngày 03/11/2022 và Giấy đề nghị giải

ngân kiêm khế ước nhận nợ số 425/22/KUNN/0100-7721 ngày 04/11/2022; mục đích vay: Hoàn vốn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Thời hạn vay 240 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên (từ ngày 05/11/2022 đến ngày 04/11/2024).

Lãi suất cho vay 14,86%/năm, cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân theo khế ước nhận nợ. Kể từ tháng thứ 04 tính từ ngày giải ngân theo khế ước nhận nợ, lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần được tính như sau: Lãi suất vay bằng (=) Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng của loại tiền bên vay đang vay, loại lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng K tại thời điểm thay đổi lãi suất vay cộng (+) biên độ 4,0%/năm. Lãi suất vay sau khi thay đổi không được thấp hơn lãi suất vay tối thiểu hiện hành tại Ngân hàng K (cùng loại hình và phương thức vay).

Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất lãi chậm trả 10%/năm.

Kỳ hạn trả lãi vay: 01 tháng/lần, ngày trả lãi vay đầu tiên là ngày 04/12/2022.

Kỳ hạn trả nợ gốc: 01 tháng/lần gồm 240 kỳ, ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 04/12/2022. Mỗi kỳ hạn bên vay phải trả số nợ gốc như sau: từ kỳ 01 đến kỳ 239 phải trả 2.040.000 đồng, kỳ 240 phải trả 2.440.000 đồng.

Ngân hàng K đã giải ngân số tiền vay cho bà T ngày 04/11/2022 qua tài khoản số 43146953 của bà T tại Ngân hàng K. Bà T thừa nhận đã nhận tiền tại Khế ước nhận nợ số 425/22/KUNN/0100-7721 ngày 04/11/2022.

Tài sản đảm bảo thực hiện cho khoản vay của bà T tại Ngân hàng TMCP K là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DC954775, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CS02209, thửa đất số 926, tờ bản đồ TĐ 90-2021, diện tích 2.281,0m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm tại ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 26/11/2021, cập nhật biến động lần cuối ngày 11/10/2022 cho bà Lê Thị Hồng T. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số 425/22/HĐTC- BĐS/0100-7721 ngày 03/11/2022 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện L, tỉnh Bình Phước ngày 03/11/2022.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà T chỉ thanh toán được một phần nợ gốc 14.280.000 đồng, đến kỳ trả nợ ngày 04/6/2023 thì không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như thỏa thuận đã ký kết theo Hợp đồng tín dụng số 425/22/HĐTD/0100-7721 ngày 03/11/2022.

Tại phiên tòa Ngân hàng TMCP K yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Lê Thị Hồng T có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từng lần trung dài hạn số 425/22/HĐTD/100-7721 ngày 04/11/2022Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 04/11/2022 tạm tính đến hết ngày 02/8/2024 là 566.883.178 đồng

(năm trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm tám mươi ba nghìn một trăm bảy mươi tám đồng), trong đó: nợ gốc 475.720.000 đồng, nợ lãi trong hạn 82.902.299 đồng, lãi quá hạn 3.626.502 đồng, phạt chậm trả lãi 4.634.377 đồng.

- Bà Lê Thị Hồng T phải tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả kể từ ngày 03/8/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP K.

- Trường hợp bà Lê Thị Hồng T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vay là Quyền sử dụng thửa đất số 926, tờ bản đồ số TĐ 90-2021, tại ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 954775, số vào sổ CS02209 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 26/11/2021, cập nhật biến động chuyển nhượng cho bà Lê Thị Hồng T ngày 11/10/2022 theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số 425/22/HĐTC-BĐS/0100-7721 ngày 03/11/2022 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện L, tỉnh Bình Phước ngày 03/11/2022.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ bà Lê Thị Hồng T với Ngân hàng TMCP K. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bà Lê Thị Hồng T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP K.

Trường hợp bà Lê Thị Hồng T thanh toán xong khoản nợ mà không phải qua xử lý tài sản thế chấp, Ngân hàng TMCP K hoàn trả lại bà T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 954775, số vào sổ CS02209 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 26/11/2021, cập nhật biến động chuyển nhượng cho bà Lê Thị Hồng T ngày 11/10/2022.

Bà Lê Thị Hồng T yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt, Ngân hàng K đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từng lần trung dài hạn số 425/22/HĐTD/100-7721 ngày 04/11/2022nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền gốc, lãi tạm tính đến hết ngày 02/8/2024 theo cách tính tại bản tính chi tiết đã giao nộp và trình bày tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận. Bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh

theo thỏa thuận kể từ ngày 03/8/2024 đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và sự vắng mặt của bị đơn bà Lê Thị Hồng T: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Lê Thị Hồng T tham gia tố tụng, bà T có mặt trong buổi làm việc ngày 25/6/2024 sau đó có đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: nguyên đơn căn cứ vào Hợp đồng tín dụng từng lần số 425/22/HĐTD/0100-7721 ngày 03/11/2022 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 425/22/KUNN/0100-7721 ngày 04/11/2022 để yêu cầu bị đơn Lê Thị Hồng T trả số tiền tạm tính đến hết ngày 02/8/2024 là 566.883.178 đồng (năm trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm tám mươi ba nghìn một trăm bảy mươi tám đồng), trong đó: nợ gốc 475.720.000 đồng, nợ lãi trong hạn 82.902.299 đồng, lãi quá hạn 3.626.502 đồng, phạt chậm trả lãi 4.634.377 đồng.

[3] Hợp đồng tín dụng từng lần số 425/22/HĐTD/0100-7721 ngày 03/11/2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP K với bà Lê Thị Hồng T hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên có giá trị pháp lý và phát sinh hiệu lực thi hành.

[4] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc 475.720.000 đồng: Theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 425/22/HĐTD/0100-7721 ngày 03/11/2022 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 425/22/KUNN/0100-7721 ngày 04/11/2022 , Ngân hàng TMCP K cho bà Lê Thị Hồng T vay 490.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi triệu đồng), thời hạn vay 240 tháng, kể từ ngày ngày 05/11/2022 đến ngày 04/11/2024.

Kỳ hạn trả nợ gốc: 01 tháng/lần gồm 240 kỳ, ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 04/12/2022. Mỗi kỳ hạn bên vay phải trả số nợ gốc như sau: từ kỳ 01 đến kỳ 239 phải trả 2.040.000 đồng, kỳ 240 phải trả 2.440.000 đồng.

Tại Giấy nhận nợ ngày 04/11/2022, bà T thừa nhận Ngân hàng K đã giải ngân số tiền 490.000.000 đồng qua tài khoản số 43146953 của bà T tại Ngân hàng K.

Bà Lê Thị Hồng T thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận được 07 kỳ đến kỳ ngày 04/6/2023, đã trả nợ gốc được tổng số tiền 14.280.000 đồng thì vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến nay. Ngân hàng K yêu cầu bà T trả nợ gốc tạm tính đến hết ngày 02/8/2024 số tiền 475.720.000 đồng có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu trả lãi trong hạn:

Tại Hợp đồng tín dụng từng lần số 425/22/HĐTD/0100-7721 ngày 03/11/2022 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 425/22/KUNN/0100-7721 ngày 04/11/2022, Ngân hàng TMCP K và bà Lê Thị

Hồng T thỏa thuận lãi suất cho vay 14,86%/năm, cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân theo khế ước nhận nợ. Kể từ tháng thứ 04 tính từ ngày giải ngân theo khế ước nhận nợ, lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần được tính như sau: Lãi suất vay bằng (=) Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng của loại vay, loại lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng K tại thời điểm thay đổi lãi suất vay cộng (+) biên độ 4,0%/năm. Lãi suất vay sau khi thay đổi không được thấp hơn lãi suất vay tối thiểu hiện hành tại Ngân hàng K (cùng loại hình và phương thức vay).

Thỏa thuận về lãi trong hạn tại hợp đồng tín dụng nêu trên không trái quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khánh hàng và Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Ngân hàng K yêu cầu bà T trả lãi trong hạn thay đổi tại từng kỳ trả nợ từ kỳ ngày 04/6/2023 đến kỳ trả nợ ngày 04/7/2024 từ 16,3%/năm đến 14,8%/năm theo cách tính tại bản kê tính lãi theo hợp đồng đã giao nộp tại phiên tòa tạm tính đến ngày 02/8/2024 với số ngày vi phạm là 395 ngày, tổng số tiền lãi trong hạn phải trả 82.902.299 đồng có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu trả lãi quá hạn:

Ngân hàng K và bà Lê Thị Hồng T thỏa thuận lãi suất quá hạn là 150%/năm lãi suất cho vay trong hạn. Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả lãi quá hạn theo cách tính: nợ gốc quá hạn x 50% lãi trong hạn x (số ngày quá hạn/365 ngày) phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tổng số tiền lãi quá hạn theo cách tính từng kỳ trả nợ từ kỳ ngày 04/6/2023 tạm tính đến ngày 02/8/2024 theo cách tính cụ thể tại bản kê tính lãi theo hợp đồng đã giao nộp tại phiên tòa trên số ngày vi phạm 395 ngày là 3.626.502 đồng có căn cứ chấp nhận.

[7] Ngân hàng K và bà Lê Thị Hồng T thỏa thuận lãi suất chậm trả 10%/năm theo cách tính Lãi quá hạn = lãi trong hạn còn thiếu x 10% x lãi suất phạt chậm trả x số ngày quá hạn/365 ngày cộng với số tiền phạt chậm trả gốc theo từng kỳ trả lãi. Cách tính lãi phạt chậm trả cụ thể theo từng kỳ trả lãi thể hiện tại bản kê tính lãi theo hợp đồng đã nộp tại phiên tòa tạm tính đến ngày 02/8/2024 là 4.634.377 đồng có căn cứ chấp nhận.

[8] Tổng số tiền nợ gốc và lãi bị đơn bà Lê Thị Hồng T phải trả Ngân hàng TMCP K tạm tính đến ngày 02/8/ 2024 là 566.883.178 đồng (năm trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm tám mươi ba nghìn một trăm bảy mươi tám đồng), trong đó: tiền nợ gốc 475.720.000 đồng, nợ lãi trong hạn 82.902.299 đồng, lãi quá hạn

3.626.502 đồng, phạt chậm trả lãi 4.634.377 đồng.

[9] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[11] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: bà Lê Thị Hồng T phải chịu theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, Điều 157, 228, 273 và Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều, khoản 1 Điều 351, Điều 463 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K đối với bị đơn Lê Thị Hồng T về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Lê Thị Hồng T có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP K tạm tính đến ngày 02/8/2024 tổng số tiền 566.883.178 đồng (năm trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm tám mươi ba nghìn một trăm bảy mươi tám đồng), trong đó: tiền nợ gốc 475.720.000 đồng (bốn trăm bảy mươi năm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng), nợ lãi trong hạn 82.902.299 đồng (tám mươi hai triệu chín trăm lẻ hai nghìn hai trăm chín mươi chín đồng), lãi quá hạn 3.626.502 đồng (ba triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm lẻ hai đồng), phạt chậm trả lãi 4.634.377 đồng (bốn triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi bảy đồng).

Bà Lê Thị Hồng T phải tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả kể từ ngày 03/8/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP K.

Trường hợp bà Lê Thị Hồng T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vay là Quyền sử dụng thửa đất số 926, tờ bản đồ số TĐ 90-2021, tại ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 954775, số vào sổ CS02209 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 26/11/2021, cập nhật biến động chuyển nhượng cho bà Lê Thị Hồng T ngày 11/10/2022 theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số 425/22/HĐTC-BĐS/0100-7721 ngày

03/11/2022, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện L, tỉnh Bình Phước ngày 03/11/2022.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ bà Lê Thị Hồng T với Ngân hàng TMCP K. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bà Lê Thị Hồng T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP K.

Trường hợp bà Lê Thị Hồng T thanh toán xong khoản nợ mà không phải qua xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng TMCP K có nghĩa vụ hoàn trả bà Lê Thị Hồng T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 954775, số vào sổ CS02209 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 26/11/2021, cập nhật biến động chuyển nhượng cho bà Lê Thị Hồng T ngày 11/10/2022.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: bà Lê Thị Hồng T phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) theo bản kê ngày 25/6/2024 của Tòa án để trả lại cho Ngân hàng TMCP K.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả Ngân hàng TMCP K 12.341.000 đồng (mười hai triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24 số 0002228 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Bà Lê Thị Hồng T phải chịu 26.675.327 đồng (hai mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi năm nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng).

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Lưu: Văn thư, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Thị Lan Hương